

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

ĐOÀN VĨNH TƯỜNG

**GIẢI PHÁP VỀ VỐN
ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG

MÃ SỐ 62.31.12.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

HÀ NỘI – 2009

Công trình này được hoàn thành tại Học viện Ngân hàng

Người hướng dẫn khoa học

- 1. TS Tô Ngọc Hưng**
- 2. TS Trần Thị Hồng Hạnh**

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Hữu Tài

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Thị Mùi

Phản biện 3: PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước
hợp tại Học viện Ngân hàng vào hồi 14 giờ, ngày 31 tháng 03 năm 2009**

Có thể tìm hiểu Luận án tại: Thư viện Quốc gia và

Thư viện Học viện Ngân hàng

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cần thiết của đề tài nghiên cứu

Hiện nay, phát triển kinh tế biển được xem là một vấn đề chiến lược của các quốc gia có biển trên thế giới. Với những lợi thế rất lớn, Việt Nam đang cố gắng tận dụng mọi nguồn lực để trở thành một trong những quốc gia mạnh về kinh tế biển, bởi kinh tế biển có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế.

Khánh Hòa là tỉnh duyên hải miền trung có vị trí chiến lược không chỉ về kinh tế mà cả về an ninh quốc phòng của Khánh Hòa, của khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên và khu vực biển Đông. Với lợi thế về những ưu đãi của thiên nhiên biển, kinh tế biển Khánh Hòa đã đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương và khu vực. Kinh tế biển khẳng định vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế và đang đặt ra những đòi hỏi bức xúc về tốc độ phát triển để tương xứng với tiềm năng đang có. Tìm ra các giải pháp để tháo gỡ những vướng mắc từ thực tiễn, tạo điều kiện cho kinh tế biển Khánh Hòa phát triển, trong đó vấn đề vốn đầu tư được coi là vấn đề trung tâm và đang đặt ra hết sức bức xúc hiện nay.

Vì vậy, việc nghiên cứu để tìm “ *Giải pháp về vốn đối với phát triển kinh tế biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*” là đề tài được chọn để nghiên cứu, với mục tiêu giải quyết thỏa đáng nhu cầu về vốn cho kinh tế biển Khánh Hòa phát triển đúng tiềm năng.

2. Tình hình nghiên cứu

Mặc dù kinh tế biển có từ lâu nhưng phát triển kinh tế biển để phục vụ cho phát triển kinh tế thì mới đặc biệt quan tâm trong thế kỷ 21. Lĩnh vực đầu tư vốn cho phát triển kinh tế biển nói chung thì chỉ khai thác ở những lĩnh vực cụ thể như nuôi trồng, đánh bắt, du lịch, ... mà chưa có công trình nghiên cứu đầu tư vốn vào kinh tế biển một cách hoàn chỉnh. Tại Khánh Hòa là địa phương có tiềm năng về

biển thì chưa có công trình nghiên cứu ở lĩnh vực đầu tư vốn để phát triển kinh tế biển ở bậc tiến sĩ.

3. Mục đích nghiên cứu

- Làm rõ tiềm năng kinh tế biển trong phát triển nền kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, đồng thời nghiên cứu những biện pháp thu hút vốn đầu tư cho kinh tế biển;

- Phân tích các biện pháp thu hút đối với từng loại vốn cho phát triển kinh tế biển;

- Phân tích thực trạng thu hút vốn đối với phát triển kinh tế biển tỉnh Khánh Hòa và những vấn đề mà thực tiễn đặt ra cần tháo gỡ;

- Đề xuất những giải pháp và những kiến nghị để thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế biển Khánh Hòa.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng: Luận án nghiên cứu những vấn đề liên quan đến việc thu hút và sử dụng vốn cho phát triển kinh tế biển nói chung và kinh tế biển Khánh Hòa nói riêng – bao gồm kết cấu các loại vốn và khai thác tối đa các loại vốn đầu tư cho kinh tế biển.

Phạm vi nghiên cứu: Đề cập những vấn đề tháo gỡ, đề xuất những giải pháp để thu hút vốn và sử dụng vốn đối với kinh tế biển trong giai đoạn 2003 - 2008 cho phát triển kinh tế biển tỉnh Khánh Hòa.

5. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng tổng hợp các phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, tư duy logic, phân tích, tổng hợp, phân tổ thống kê,... sử dụng số liệu tình hình thực tiễn để phân tích, suy luận.

6. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, mục lục, tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được kết cấu gồm ba chương:

Chương 1: Vốn đầu tư đối với phát triển kinh tế biển

Chương 2: Thực trạng về vốn đối với phát triển kinh tế biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Chương 3: Giải pháp về vốn nhằm góp phần phát triển kinh tế biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Chương 1

VỐN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

1.1. VAI TRÒ CỦA KINH TẾ BIỂN TRONG PHÁT NỀN KINH TẾ

1.1.1. Tổng quan về kinh tế biển

1.1.1.1. Khái niệm kinh tế biển

Theo các nhà kinh tế, kinh tế biển là tổng hợp các hoạt động kinh tế thông qua việc tận dụng tối đa các nguồn lực của biển – đại dương để mang lại lợi ích cho các chủ thể kinh tế với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia.

1.1.1.2. Tiềm năng của kinh tế biển

Tiềm năng của kinh tế biển vô cùng đa dạng được hiểu ở những nội dung cụ thể sau: Thứ nhất, tiềm năng về tài nguyên khoáng sản biển; thứ hai, tiềm năng sinh vật biển; thứ ba, tiềm năng vận tải biển; thứ tư, tiềm năng về du lịch biển

1.1.1.3. Các yêu cầu để phát triển kinh tế biển

Một là, phát triển kinh tế biển phải đảm bảo sự cân đối trong tổng thể kinh tế cả nước, trong quan hệ với các vùng và trong xu thế hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.

Hai là, phát triển kinh tế biển phải nhằm tăng cường sức mạnh quốc gia, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc, phục vụ cho đời sống của nhân dân, tạo cho quốc gia một thế đứng vững mạnh cả về chính trị và kinh tế.

Ba là, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, mọi thành phần kinh tế để xây dựng đô thị và nông thôn vùng biển và ven biển, hải đảo cùng phát triển.

Bốn là, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá kinh tế biển hướng mạnh vào xuất khẩu, dựa trên những tiến bộ về khoa học và công nghệ làm động lực, vừa thúc đẩy nghiên cứu, quản lý, khai thác tiềm năng biển có hiệu quả cao, vừa

tái tạo tài nguyên biển, bảo vệ môi trường, đào tạo nguồn nhân lực để phát triển bền vững.

Năm là, lợi ích kinh tế biển không chỉ xuất phát từ một địa phương mà phải đặt trong một chương trình phát triển tổng hợp thống nhất của cả miền và vùng, phát triển kinh tế biển phải chú trọng ngay từ đầu sự tiến bộ xã hội vùng biển.

Sáu là, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, hải đảo và ven biển phải gắn kết với yêu cầu bảo vệ kinh tế, bảo vệ và phòng thủ đất nước, tăng tiềm lực kinh tế đồng thời củng cố an ninh - quốc phòng, tạo ra thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. An ninh - quốc phòng phải vừa không ngừng tăng cường năng lực bảo vệ biển, đảo, vừa tạo điều kiện thuận lợi và chủ động tham gia phát triển kinh tế biển.

1.1.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế biển

- Điều kiện tự nhiên
- Mức đầu tư
- Nguồn nhân lực
- Tình hình chính trị – xã hội và cơ chế chính sách của Nhà nước

1.1.2. Vai trò của kinh tế biển trong phát triển nền kinh tế

Thứ nhất, kinh tế biển góp phần đưa ngành thủy sản phát triển

Thứ hai, kinh tế biển đưa ngành du lịch phát triển

Thứ ba, kinh tế biển góp phần phát triển công nghiệp

1.1.3. Vai trò của kinh tế biển Việt Nam

1.1.3.1. Khái quát về biển đảo của Việt Nam

1.1.3.2. Tiềm năng và tầm quan trọng của biển

- Về kinh tế
- Về quốc phòng, an ninh

1.1.3.3. Vai trò của kinh tế biển trong phát triển kinh tế Việt Nam

- Vai trò của ngành thủy sản

- Kinh tế hàng hải: vận tải biển, cảng biển, dịch vụ hàng hải và hỗ trợ
- Các ngành kinh tế biển mới phát triển: Công nghiệp dầu khí; Phát triển du lịch biển; Nghề biển tương lai.

1.2. VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

1.2.1. Vốn cho phát triển kinh tế biển

Vốn cho phát triển kinh tế biển là biểu hiện bằng tiền toàn bộ tài sản và vốn bằng tiền mà mọi thành phần kinh tế đầu tư cho các ngành để phát triển kinh tế biển.

1.2.2. Vai trò của vốn đối với phát triển kinh tế biển

Thứ nhất, giúp các mặt hàng biển của các nước có thêm nhiều cơ hội phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Thứ hai, vốn đầu tư nước ngoài vào ngư nghiệp đã góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng, kinh tế – xã hội ở nhiều địa phương

Thứ ba, khai thác rất lớn nguồn nhân lực.

Thứ tư, để thăm dò biển và phát hiện ra một nguồn tài nguyên mới.

1.2.3. Nguồn vốn đầu tư cho kinh tế biển

- Vốn đầu tư trong nước
- Vốn đầu tư từ nước ngoài

1.2.4. Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút vốn cho phát triển kinh tế biển

- Tiềm năng biển
- Cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công
- Nguồn nhân lực
- Môi trường đầu tư
- Cơ chế chính sách của Nhà nước

1.3. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VỀ THU HÚT VỐN CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

1.3.1. Kinh nghiệm một số nước trên thế giới

- Kinh nghiệm của Trung Quốc
- Kinh nghiệm của Philippines
- Kinh nghiệm của Thái Lan

1.3.2. Những bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, cần làm tốt công tác xúc tiến đầu tư để thu hút vốn đầu tư cho kinh tế biển

Thứ hai, cần nắm bắt thời cơ, tạo ra những thay đổi quyết định để thu hút đầu tư từ nước ngoài

Thứ ba, tạo sự kiện để quảng bá, mời gọi đầu tư phát triển kinh tế biển

Thứ tư, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế biển

Chương 2
THỰC TRẠNG VỀ VỐN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

2.1. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ

2.1.1. Bối cảnh phát triển kinh tế biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong thời gian qua

2.1.1.1. Những thuận lợi cơ bản

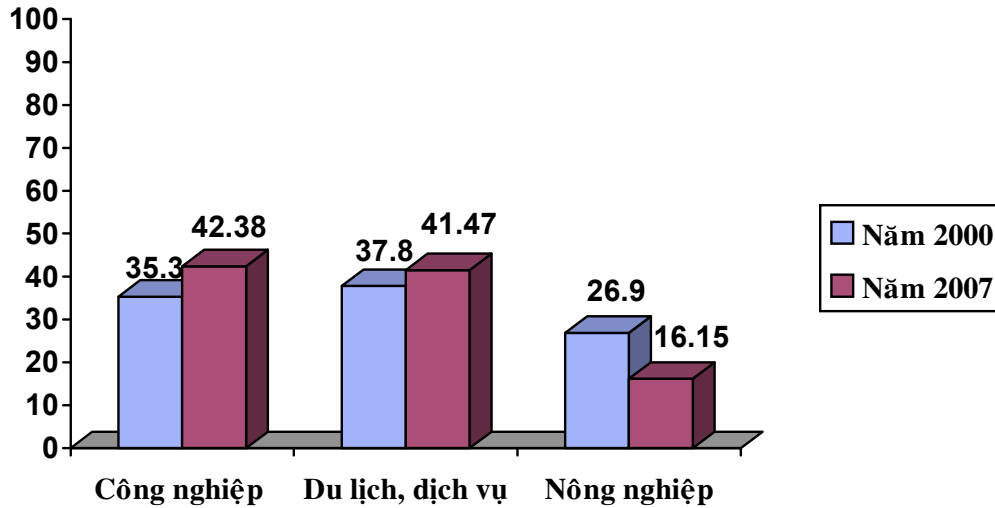
2.1.1.2. Những khó khăn chủ yếu

2.1.2. Thực trạng phát triển kinh tế biển Khánh Hòa

*Bảng 01: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế biển Khánh Hòa
giai đoạn 2003 – 2007*

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch đến 2007 | Thực hiện 2007 | % thực hiện |
|---|----------------|----------------------|-------------------|----------------|
| 1. Tỷ trọng GDP kinh tế biển so GDP toàn tỉnh | % | 20 đến 30 | 34 | 113 |
| 2. Sản lượng thủy sản khai thác | Tấn | 79.082 | 66.190 | 84 |
| 3. Sản lượng nuôi trồng thủy sản | Tấn | 21.694 | 22.550 | 112 |
| 4. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu so xuất khẩu toàn tỉnh | % | 55 đến 60 | 60 | 100 |
| 5. Tổng công suất cảng biển | Triệu tấn | 1,8 | 3,0 | 167 |
| 6. Khách du lịch tuyến đảo | Người | 658.000 | 780.000 | 119 |
| 7. Doanh thu du lịch biển | Tỷ đồng | 128 | 643 | 502 |
| 8. Giải quyết việc làm | Người | 180.000 | 200.000 | 111 |
| 9. Vốn đầu tư | Tỷ đồng | 3.095 | 3.362 | 109 |

**Biểu đồ 01: Mô hình cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa
năm 2000, 2007 (tỷ lệ %)**



(Nguồn: [6])

2.2. THỰC TRẠNG VỀ VỐN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ

2.2.1. Phân theo ngành kinh tế

**Bảng 02: Vốn đầu tư cho phát triển kinh tế biển Khánh Hòa
giai đoạn 2003 – 2007 (Đơn vị: Tỷ đồng)**

| STT | Chỉ tiêu | Giai đoạn 2003 - 2007 | | Tỷ lệ % |
|-----|--------------------------|-----------------------|-----------|---------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | |
| 01 | Ngành thủy sản | 1.270 | 1.326 | 104 |
| 02 | Ngành kinh doanh du lịch | 1.622 | 1.938 | 119 |
| 03 | Ngành hàng hải | 199,5 | 97 | 49 |
| | Cộng | 3.092 | 3.362 | 109 |

(Nguồn: [6])

a. Vốn đầu tư phát triển ngành thủy sản

Thực tế trong những năm vừa qua ngành thủy sản Khánh Hòa đã thực sự phát triển như tiềm năng vốn có của địa phương. Ngành thủy sản đã góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế của địa phương.

b. Vốn đầu tư phát triển năng lực kinh doanh du lịch

Tổng vốn đầu tư cho Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2003 – 2007 là 1.938 tỷ VNĐ, so với kế hoạch đặt ra là 1.622 tỷ VNĐ đạt 119%.

c. Vốn đầu tư phát triển Hàng hải

Vốn đầu tư phát triển hàng hải từ 2003 – 2007 là 97 tỷ đồng so kế hoạch 199,5 tỷ đồng đạt 49%. Thực ra vốn đầu tư cho giao thông biển của Khánh Hòa mới chỉ đề cập đến mảng đầu tư nâng cấp một số cảng và bến thủy còn những dự án đóng tàu, xây dựng cảng mới thuộc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như Hyundai - Vinashin và thuộc vốn đầu tư thuộc ngân sách trung ương là chưa được đề cập để nghiên cứu, vì chỉ riêng nhà máy Hyundai - Vinashin thì vốn đầu tư đã trên 100 triệu USD mà phạm vi nghiên cứu chưa có dịp đề cập.

2.2.2. Phân theo nguồn vốn

a. Vốn từ Ngân sách

**Bảng số 03: Ngân sách Nhà nước tỉnh Khánh Hòa
đầu tư phát triển kinh biển 2003 - 2007**

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2003 | Năm 2004 | Năm 2005 | Năm 2006 | Năm 2007 |
|---------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| Tổng chi NSNN | 1.028.990 | 1.293.285 | 1.436.530 | 2.144.656 | 2.250.430 |
| Trong đó chi Kinh tế biển | 34.500 | 35.500 | 35.500 | 35.500 | 38.461 |

(Nguồn:[6])

Trong kế hoạch từ năm 2003 đến 2007 Ngân sách Nhà nước đã đầu tư cho các ngành kinh tế trong chương trình kinh tế biển của tỉnh với tổng vốn đầu tư là 971.882 triệu đồng chiếm tỷ lệ 29% trong tổng số các nguồn vốn đầu tư vào chương trình kinh tế biển, Ngân sách trung ương 81,5%, Ngân sách địa phương 18,5%..

b. Vốn đầu tư của các trung gian tài chính

Vốn tín dụng đầu tư vào du lịch chủ yếu là đầu tư vào các khu du lịch giải trí cho các thành phần kinh tế. Vốn tín dụng đầu tư vào lĩnh vực hàng hải gần như không đáng kể vì chủ yếu là phát triển cảng biển bằng vốn ngân sách Nhà nước .

Bảng số 4: Nguồn vốn tín dụng Ngân hàng đầu tư vào phát triển kinh tế biển Khánh Hòa (Đơn vị tính: Tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2003 | Năm 2004 | Năm 2005 | Năm 2006 | Năm 2007 | Tăng bình quân % |
|-----------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|---------------------|
| Ngành thủy sản | 499,2 | 806,4 | 727,8 | 890,5 | 1.070,9 | 34,4 |
| Dịch vụ du lịch | 188,0 | 282,0 | 370,3 | 854,4 | 1.122 | 50,4 |
| Vận tải biển | 231 | 265 | 189 | 251 | 330 | 13,1 |
| Cộng | 918,2 | 1.353,4 | 1.287,1 | 1.995,9 | 2.522,9 | |

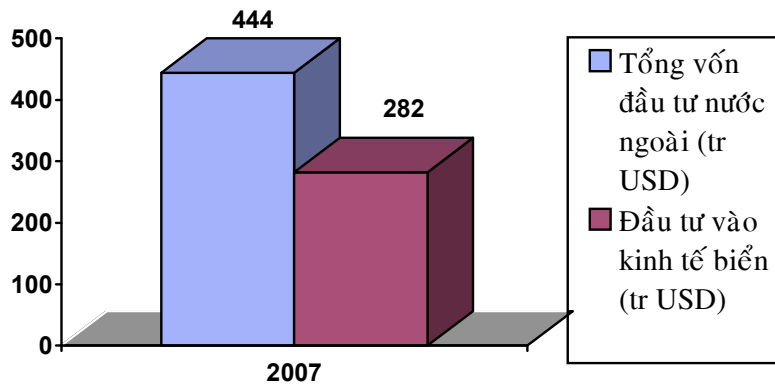
Nguồn:[4]

c. Nguồn đầu tư nước ngoài (ODA, FDI..)

Vốn đầu tư nước ngoài bằng hình thức đầu tư trực tiếp (FDI), vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ (NGO). Do điều kiện thiên nhiên ưu đãi để phát triển kinh tế trong những năm vừa qua Khánh Hòa đã thu hút đầu tư bằng nhiều hình thức. Kết quả đến cuối năm 2007 toàn tỉnh thu hút được 57 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn đầu tư là 444 triệu USD, trong đó số dự án đầu tư vào lĩnh vực kinh tế biển là 37 dự án chiếm 60% số dự án đầu tư vào Khánh Hòa với số vốn 282 triệu USD, chiếm 63% số vốn đầu tư nước ngoài vào Khánh Hòa.

Trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam nói chung, kinh tế biển Khánh Hòa nói riêng việc quan tâm đến nguồn vốn FDI và ODA là hết sức quan trọng trong việc quyết định sự phát triển kinh tế biển. Phải coi kinh tế biển của Khánh Hòa trong tương quan về lợi thế của khu vực và quốc tế để phát triển đúng tầm là cần thiết.

Biểu đồ số 2: So sánh vốn đầu tư vào kinh tế biển và tổng đầu tư



(Nguồn:[6])

d. Vốn tự đầu tư của doanh nghiệp

Trong thực tế, nhờ chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nền kinh tế nói chung và kinh tế biển nói riêng, trong những năm qua các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và dân doanh đã dùng nguồn vốn của mình để đầu tư phát triển kinh tế biển. Vốn tự đầu tư của doanh nghiệp, dân doanh chủ yếu vào các lĩnh vực thủy sản, dịch vụ du lịch và vận chuyển hàng hải. Theo thống kê ngành thủy sản Khánh Hòa, vốn đầu tư của doanh nghiệp và dân doanh vào lĩnh vực thủy sản chiếm 15% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội vào kinh tế biển (chỉ tính vốn đầu tư trong nước)

e. Vốn huy động qua công cụ trên thị trường tài chính như trái phiếu, cổ phiếu:

Hiện nay các doanh nghiệp tại Khánh Hòa đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh tế biển chưa mạnh dạn sử dụng các hình thức huy động

vốn đầu tư thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp, trong tương lai có lẽ đây là hình thức huy động vốn phù hợp với xu thế thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế. Vấn đề là môi trường pháp lý và các vấn đề quản lý của các doanh nghiệp để quen dần với phương thức huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp.

g. Vốn đầu tư của người Việt từ nước ngoài

Theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước thì hàng năm Việt kiều đã gián tiếp đưa vào Việt Nam lượng ngoại tệ nhiều tỷ USD (năm 2007 là 6,04 tỷ đô la Mỹ) qua con đường kiều hối, nhiều Việt kiều đầu tư trực tiếp vào kinh tế biển.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐẦU TƯ VỐN CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ

2.3.1. Những kết quả đạt được

- Kết quả đầu tư vào kinh tế biển đã tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý trên cơ sở phát huy được thế mạnh của địa phương.

- Từ kết quả vốn đầu tư vào các lĩnh vực, các ngành kinh tế của kinh tế biển thì thế mạnh kinh tế biển Khánh Hòa thiên về khẳng định ưu thế phát triển các lĩnh vực dịch vụ là bền vững

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư để thu hút vốn đầu tư vào kinh tế biển. Trong đó vai trò vốn ngân sách Nhà nước mang ý nghĩa nền tảng ban đầu không thể thiếu.

- Có cơ chế khuyến khích đầu tư trong nước

2.3.2. Một số tồn tại và nguyên nhân

2.3.2.1. Một số tồn tại về đầu tư vốn đối với kinh tế biển Khánh Hòa

Thứ nhất, vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước thấp: Thiếu một chiến lược đầu tư vốn từ Ngân sách Nhà nước để phát triển kinh tế biển một cách toàn diện trên các lĩnh vực: Thăm dò khai thác khoáng sản đặc biệt là các loại khoáng sản quý; phát triển hệ thống dịch vụ hàng hải bao gồm hệ thống cảng biển, các cơ sở

đóng tàu, vận tải, dịch vụ hàng hải. Phát triển du lịch biển đảo với cơ cấu ngành nghề phong phú tạo ra tốc độ phát triển bền vững, xây dựng được các khu trung tâm kinh tế ven biển. Tất cả các vấn đề này cần có sự đầu tư cần thiết từ Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, do hạn chế về nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước nên phải nghĩ đến một cơ chế phù hợp để các thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực kinh tế biển có điều kiện mở rộng đầu tư nhờ cơ chế đặc biệt như hình thành các đặc khu kinh tế mở ở những vùng biển tiềm năng.

Thứ hai, vốn đầu tư từ các trung gian tài chính còn hạn chế

Vốn đầu tư từ các tổ chức tín dụng: Các tổ chức tín dụng còn thiếu một chiến lược đầu tư cho phát triển kinh tế biển. Từ đó, nhiều dự án đầu tư, nhiều doanh nghiệp không có cơ hội tiếp cận được vốn tín dụng ngân hàng. Có nhiều ngân hàng gần như không quan tâm đến các dự án, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh tế biển vì cho rằng đây là lĩnh vực nhiều rủi ro và thiếu các điều kiện thoả mãn đầu tư của ngân hàng. Một định hướng cho đầu tư phát triển kinh tế biển là hết sức cần thiết.

Thứ ba, vốn đầu tư của doanh nghiệp vào kinh tế biển còn rất hạn chế:

Nguồn vốn tham gia vào đầu tư phát triển kinh tế biển vừa qua chủ yếu là vốn tự có của doanh nghiệp và vốn tự huy động bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng là do doanh nghiệp tự đầu tư tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư.

Thứ tư, vốn đầu tư nước ngoài vào Khánh Hòa chưa tương xứng với tiềm năng: Lĩnh vực đầu tư nước ngoài vào kinh tế biển tại Khánh Hòa là chưa phù hợp chủ trương của cấp ủy chính quyền địa phương, là ngược lại với xu thế nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào các địa phương khác tăng rất nhanh.

2.3.2.2. Nguyên nhân

Một là, định hướng phát triển kinh tế biển chưa rõ ràng và thiếu cụ thể, vì vậy chưa tạo được tính đột phá ở một số ngành kinh tế biển tạo động lực cho phát triển.

Hai là, hệ thống cơ chế chính sách phát triển ngành kinh tế biển chưa đồng bộ. Vấn đề này dẫn đến các chính sách khác, trong đó có cơ chế về đầu tư vốn cũng không đồng bộ. Vốn đầu tư phân tán vụn vặt mà không tạo được đà cho vùng, ngành, lĩnh vực cần đột phá.

Ba là, chưa có một chiến lược đầu tư vốn có hiệu quả để đáp ứng yêu cầu phát triển. Ngân sách Nhà nước trong đó ngân sách địa phương đầu tư cho kinh tế biển dàn trải thiếu tập trung, chưa đủ sức để tạo động lực cho từng lĩnh vực, từng ngành phát triển.

Chương 3

GIẢI PHÁP VỀ VỐN NHẪM GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

3.1. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA THẾ KỶ 21

3.1.1. Phát triển kinh tế biển - xu thế tất yếu của thế kỷ 21

Thế kỷ 21 là thế kỷ của đại dương vì vậy kinh tế biển đã nằm trong chiến lược biển của các quốc gia có biển. Nghiên cứu kinh tế biển vì vậy phải đề cập đến các vấn đề toàn cầu. Vị thế của biển đang được đặt vào đúng vị trí của nó và không một ai muốn trở thành người chậm chân trong lĩnh vực này và vấn đề phát triển kinh tế biển của mỗi quốc gia có biển đều phải tính đến an ninh quốc gia và khu vực. [5]

3.1.2. Những cơ hội và thách thức đối với kinh tế biển Việt Nam

Những cơ hội

Những thách thức

3.1.3. Chính sách của Đảng và Nhà Nước ta về phát triển kinh tế biển

Trước xu thế tất yếu là phải có chiến lược tiến nhanh ra biển đông, căn cứ thực tiễn về kinh tế biển nước ta trước những tiềm năng, lợi thế của hơn một triệu km² thềm lục địa, Đảng ta đã có hẳn một nghị quyết trung ương 4 khóa X về chiến lược biển Việt Nam đến 2020 mục tiêu tổng quát được khẳng định trong chiến lược là: “Đến 2020, phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước giàu mạnh”. [5], tr 76]

3.2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ GIAI ĐOẠN 2006 - 2020

3.2.1. Định hướng phát triển kinh tế biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn từ 2006 – 2020

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế biển của Đảng, Nhà nước, tỉnh Khánh Hòa với thế mạnh về biển sẵn có tỉnh đã có định hướng phát triển kinh tế biển đến năm 2010 và những năm tiếp theo, thể hiện qua việc phát triển từng ngành kinh tế chủ yếu tại chương trình kinh tế biển của tỉnh như sau:

Bảng 05: Phương hướng phát triển kinh tế biển Khánh Hòa đến năm 2010

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch phê duyệt |
|----|--|-----------|--------------------|
| 1 | Tỷ trọng GDP kinh tế biển so GDP toàn tỉnh | % | 30 – 40 |
| 2 | Sản lượng thủy sản khai thác | Tấn | 100.000 |
| 3 | Sản lượng nuôi trồng | Tấn | 31.500 |
| 4 | Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu so toàn tỉnh | % | 60 – 65 |
| 5 | Tổng công suất cảng biển | Triệu tấn | 5 |
| 6 | Lượng khách đến tuyến đảo biển | | |
| | - Khách nội địa | Người | 1.060.000 |
| | - Khách quốc tế | Người | 36.000 |
| 7 | Doanh thu từ du lịch biển | Tỷ đồng | 4000 |
| 8 | Giải quyết việc làm | Người | 200.000 |

(Nguồn: [6])

3.2.2. Định hướng về đầu tư vốn cho chương trình phát triển kinh tế biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn từ 2006 – 2020

3.2.2.1. Nhu cầu vốn đầu tư theo ngành

Thời kỳ 2006 – 2010 được coi là giai đoạn đột phá để đẩy mạnh phát triển kinh tế biển của Khánh Hòa. Vì vậy, để duy trì tốc độ phát triển kinh tế bình quân hàng năm 12% thì dự kiến tổng vốn đầu tư là từ 90.000 tỷ đến 100.000 tỷ đồng.

Riêng về kinh tế biển thì tính toán của ban chỉ đạo chương trình kinh tế biển của tỉnh chỉ dựa trên dự kiến phát triển của các ngành chủ yếu, trên cơ sở tính toán chỉ tiêu kế hoạch phát triển hàng năm của ngành. Vì vậy, chưa có giải pháp đột phá để thu hút vốn đầu tư tích cực nhất cho phát triển tiềm năng kinh tế biển dồi dào mang tầm quốc gia.

3.2.2.2. Nguồn vốn đầu tư

Từ những nghiên cứu trên cho thấy nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế biển Khánh Hòa từ những năm trước đây và dự kiến cho những năm tiếp theo chủ yếu vẫn là các kênh dẫn vốn qua đầu tư của ngân sách Nhà nước, vốn đầu tư tín dụng và vốn tự huy động của doanh nghiệp, của nhà đầu tư. Vì vậy, trong dự kiến đầu tư vốn cho thời kỳ 2006 – 2010 chúng ta sẽ nghiên cứu các loại vốn đầu tư sau đây:

- Khai thác vốn ngân sách, đặc biệt khai thác nguồn vốn ngân sách địa phương
- Mở rộng nguồn vốn tín dụng của các Ngân hàng thương mại
- Vốn tự đầu tư và vốn đầu tư nước ngoài

3.3. GIẢI PHÁP VỀ VỐN NHẪM GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ

Trước hết cần có hệ thống giải pháp về cơ chế thu hút vốn đầu tư và sau đó là giải pháp cụ thể đối với từng loại nguồn vốn đầu tư.

3.3.1. Giải pháp chính

3.3.1.1. Có cơ chế phù hợp để phát huy những lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng kinh tế – xã hội.

Để thực sự làm cho kinh tế biển trở thành động lực phát triển cho nền kinh tế của tỉnh, khai thác các tiềm năng biển với lợi thế vượt trội ở các ngành mũi nhọn thì chính sách mời gọi đầu tư là hết sức cần thiết. Có nhiều phương pháp để thu hút các nhà đầu tư, nhưng cốt lõi vẫn là chính trong cách giải quyết vấn đề liên quan

đến quyền lợi các nhà đầu tư, vì suy cho cùng thì cái mà nhà đầu tư cần là chi phí bỏ ra tiết kiệm nhất, hiệu quả nhất.

3.3.1.2. Hình thành khu kinh tế hoặc đặc khu kinh tế đối với những vùng có lợi thế vượt trội

Khi được Chính phủ cho phép hình thành khu kinh tế (hay đặc khu kinh tế) thì thường đi kèm với những cơ chế khác đặc biệt cho khu kinh tế. Một cơ chế ưu đãi đặc thù cho khu kinh tế trên các mặt:

- + Quản lý Nhà nước đối với khu kinh tế
- + Cơ chế về sử dụng đất trong khu kinh tế
- + Cơ chế ưu đãi đầu tư vào khu kinh tế
- + Những ưu đãi về thuế, Hải quan, nguồn đầu tư của ngân sách nhà nước...

Đây sẽ là những vấn đề hấp dẫn các nhà đầu tư và từ đó việc thu hút vốn đầu tư cho phát triển vùng kinh tế nhanh chóng trở thành hiện thực.

3.3.1.3. Giải pháp thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế biển Khánh Hòa

a. Giải pháp thu hút vốn trong nước

Thứ nhất, huy động nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước

Thứ hai, tổ chức phát hành trái phiếu

Thứ ba, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

b. Giải pháp thu hút vốn đầu tư nước ngoài

Thứ nhất, Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ hai, tranh thủ sự trợ giúp của các Chính phủ

Thứ ba, tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế biển

Thứ tư, khuyến khích người Việt ở nước ngoài đầu tư về quê hương

3.3.2. Giải pháp hỗ trợ

Thứ nhất, tổ chức hội thảo mang tầm vóc quốc gia và quốc tế để quảng bá

Thông qua tổ chức các lễ hội truyền thống như Festival biển – năm du lịch, truyền thống của địa phương về văn hóa. Có thể tổ chức những hội thảo quốc tế khu vực nơi có nhiều nhà đầu tư có ý định đầu tư vào Khánh Hòa.

Đặt các quan hệ ngoại giao qua các hình thức như kết nghĩa với những địa phương trong nước có tiềm năng đầu tư như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh qua các ký kết giao ước đầu tư giữa Khánh Hòa với các thành phố lớn của một số nước có truyền thống quan hệ với địa phương như Cộng hòa Pháp, Hàn Quốc, Hồng Kông, Ucraina... đây chính là con đường ngắn nhất để các nhà đầu tư đến khai thác tiềm năng biển của Khánh Hòa.

Thứ hai, tập trung các nguồn vốn đầu tư để đầu tư có hiệu quả nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư

- Các nguồn vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước, quản lý chặt chẽ và phân bổ các nguồn đầu tư phù hợp nhu cầu, khả năng khai thác quản lý. Mời gọi đầu tư của Việt kiều về nước dưới hình thức đầu tư trực tiếp hay gián tiếp, đây là mô hình đã làm có hiệu quả cần nhân rộng.

- Nguồn vốn huy động qua các trung gian tài chính để cho vay các doanh nghiệp các dự án thông qua hình thức đồng tài trợ các dự án lớn. Huy động vốn đầu tư từ quỹ đất trong những khu kinh tế đặc thù (thường gọi là đổi đất lấy hạ tầng).

- Chính quyền địa phương cần bàn bạc với các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tại địa phương và các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng khác đưa vào thực hiện các phương thức cấp tín dụng hiện đại để tài trợ cho các dự án phát triển kinh tế biển ở địa phương.

- Cho phép các doanh nghiệp phát hành trái phiếu để huy động vốn: Những doanh nghiệp có dự án, nếu muốn có thể xin phép chính quyền phát hành trái phiếu công trình để thực hiện dự án. Quy mô vốn phát hành trái phiếu tương đương quy mô vốn huy động để thực hiện dự án, thời hạn trái phiếu bằng thời hạn hoàn vốn dự án. Và người thực hiện dự án cũng phải cam kết là doanh thu dự án chỉ

được phép sử dụng cho hoạt động dự án, tích lũy để trả nợ khi trái phiếu đến hạn, không được sử dụng với bất cứ mục đích nào khác, cho đến khi nào dự án trả hết nợ.

Thứ ba, cho thuê kết cấu hạ tầng cảng biển

Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư bằng hình thức cho thuê kết cấu hạ tầng, kể cả tư nhân, doanh nghiệp trong nước hay nước ngoài có năng lực tài chính, có kinh nghiệm quản lý, khai thác hạ tầng hiệu quả. Cảng biển của Việt Nam hiện nay được khai thác theo hình thức Nhà nước đầu tư xây dựng, quản lý. Vì vậy, các địa phương có biển đều có cảng, từ đó làm cho nguồn vốn Ngân sách Nhà nước đầu tư dàn trải. Cảng nhiều nhưng chưa chắc hiệu quả, Khánh Hòa có cảng Nha Trang, cảng Ba Ngòi, cảng Hòn Khói, cảng Đầm Môn. Nhưng vấn đề quan trọng là vốn đầu tư vào cảng phải được thu hồi để tái tạo nguồn vốn đầu tư, Nhà nước đầu tư vốn với tư cách là chủ sở hữu (qua Bộ Giao thông vận tải hay cơ quan quản lý Nhà nước về biển) cho thuê hạ tầng cảng biển đã xây dựng. Người được thuê khai thác sử dụng có hiệu quả trên cơ sở tính toán, từ đó mà Nhà nước thu hồi vốn đầu tư. Có thể lựa chọn người thuê theo phương thức đấu thầu dự án.

3.4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.4.1. Đối với Chính phủ

Để trở thành một quốc gia mạnh về biển thì phải có khoa học công nghệ tiên tiến về biển và phương thức quản lý hiệu quả. Từ thực tiễn bất cập của hệ thống thể chế và quản lý Nhà nước về biển, cần kiện toàn cơ chế và hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước đối với biển. Phương án đề xuất là:

Phương án 1: Thành lập Bộ Biển

Phương án 2: Cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế biển là Văn phòng Chính phủ

3.4.2. Đối với các Bộ, Ngành

- Đề nghị Bộ Giao thông vận tải, Cục hàng hải Việt Nam hỗ trợ tỉnh Khánh Hòa trong việc sắp xếp hệ thống cảng biển Khánh Hòa để khai thác hợp lý và có hiệu quả hơn, cụ thể:

- Cảng Nha Trang sẽ phù hợp hơn nếu chỉ để phục vụ chủ yếu cho du lịch biển, đón các tàu khách du lịch quốc tế và trong nước tham quan du lịch. Đồng thời khai thác để bốc xếp hàng hóa, thiết bị, các tàu hàng lớn, công kênh sẽ chuyển vào cảng Cam Ranh (Ba Ngòi);

- Đầu tư nâng cấp cảng Ba Ngòi Cam Ranh để đón tàu lớn thay cho cảng Nha Trang;

- Đề nghị Chính phủ cho phép xây dựng cảng trung chuyển container quốc tế tại vịnh Vân Phong mà theo như các nhà chuyên gia đầu ngành phân tích thì đây là địa điểm hết sức lý tưởng.

3.4.3. Đối với chính quyền địa phương

Xây dựng mô hình tổ chức quản lý kinh tế biển hiệu quả: Khai thác bố trí sử dụng các nguồn vốn cho đầu tư phát triển phải được đặt trong sự chỉ đạo thống nhất; Có chiến lược về phát triển khai thác các nguồn vốn đầu tư cho chương trình kinh tế biển để đáp ứng nhu cầu đầu tư hiện nay bằng nhiều kênh huy động; Tỉnh có chiến lược tập trung nguồn lực đầu tư cho cơ sở hạ; Kết hợp kinh tế rừng và biển; Khai thác giao thông trên biển; Phát triển kinh tế cảng; Phát triển công nghiệp đóng tàu, sửa chữa tàu.

KẾT LUẬN

Tiến ra biển Đông đang là chiến lược của nhiều quốc gia có biển trong thế kỷ 21. Phát triển kinh tế biển để tạo động lực chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế đây là định hướng đặt ra cho nền kinh tế nước ta, một quốc gia có lợi thế về biển đảo. Khánh Hòa có điều kiện tự nhiên hết sức lý tưởng để phát triển kinh tế biển, khai thác đúng tiềm năng và lợi thế về biển, Khánh Hòa sẽ trở thành trung tâm phát triển cho khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên.

Để kinh tế biển Khánh Hòa phát triển đúng định hướng, vấn đề đặt ra là tìm ra giải pháp hợp lý, đồng bộ để khai thác nguồn vốn cho đầu tư kinh tế biển phát triển đúng tiềm năng. Toàn bộ những vấn đề trên đã được tập trung giải quyết trong luận án, do vậy luận án đã hoàn thành được các mục tiêu đã đặt ra:

Thứ nhất, luận án đã phân tích luận giải và làm rõ hơn được một số vấn đề cơ bản về kinh tế biển và thu hút vốn đầu tư đối với sự phát triển kinh tế biển. Luận án làm rõ vai trò kinh tế biển trong việc phát triển nền kinh tế. Đồng thời luận giải sự cần thiết của sự đầu tư vốn đối với phát triển kinh tế biển.

Thứ hai, phân tích đánh giá nguồn vốn đầu tư cho kinh tế biển và đi sâu xem xét những nhân tố ảnh hưởng đến từng nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế biển. Đặt trong mối quan hệ của nền kinh tế thị trường, đặc biệt là sau khi Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) – toàn cầu hơn

Thứ ba, phân tích thực trạng phát triển kinh tế biển Khánh Hòa trong những năm qua. Đánh giá kết quả đạt được và sự đóng góp của kinh tế biển đối với phát triển kinh tế xã hội tỉnh Khánh Hòa. Đồng thời luận giải những yêu cầu phát triển và những vấn đề đặt ra đối với kinh tế biển Khánh Hòa để phát triển đúng tầm của nó.

Thứ tư, luận án đã đi sâu phân tích, đánh giá xác đáng thực trạng vốn đầu tư cho phát triển kinh tế biển tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa, những kết quả đạt được, những tồn tại và đi sâu phân tích nguyên nhân.

Thứ năm, trên cơ sở lý luận, thực trạng và định hướng phát triển kinh tế biển của Khánh Hòa, luận án đã đưa ra một hệ thống giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác huy động vốn phục vụ cho phát triển kinh tế biển Khánh Hòa, theo hướng hoàn thiện về cơ chế chính sách, mô hình quản lý, đặc biệt là các giải pháp về nghiệp vụ.

Mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng, song vốn cho phát triển kinh tế biển là vấn đề rộng, phức tạp, vì vậy luận án không thể tránh khỏi những khiếm khuyết, tác giả rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học để hoàn thiện những ý tưởng nghiên cứu thành những hiện thực trong phát triển kinh tế biển tại Khánh Hòa./

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÓ LIÊN QUAN ĐÃ
CÔNG BỐ

1. Đoàn Vĩnh Tường (2003) “*Tín dụng Ngân hàng với việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở tỉnh Khánh Hòa*”, Tạp chí khoa học đào tạo Ngân hàng, (2) trang 30 – 31 – 32.
2. Đoàn Vĩnh Tường (2006) “*Dịch vụ Ngân hàng – Hội nhập phát triển*”, Tạp chí công nghệ Ngân hàng, (12) trang 1 – 2 – 3 – 4 – 5.
3. Đoàn Vĩnh Tường (2008) “*Nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế biển Khánh Hòa và những vấn đề đặt ra*”, Tạp chí Ngân hàng, (17) trang 31 – 32 – 33 – 34 - 35.
4. Đoàn Vĩnh Tường (2008) “*Nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế biển Khánh Hòa và những vấn đề đặt ra*”, Tạp chí Ngân hàng, (18) trang 41 – 42 – 43 - 44.
5. Đoàn Vĩnh Tường (2008) “*Khai thác tiềm năng kinh tế biển Việt Nam*”, Tạp chí khoa học đào tạo Ngân hàng, (76) trang 32 – 33 – 34 – 35 – 36.
6. Đoàn Vĩnh Tường (2009) “*Giải pháp thu hút vốn cho phát triển kinh tế biển tỉnh Khánh Hòa*”, Tạp chí khoa học đào tạo Ngân hàng, (80+81) trang 81 – 82 – 83 – 84 – 85 – 86 – 87.